TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 282 /2019/QĐST-HNGĐ	*Hà Đông, ngày 13 tháng 9 năm* 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55,81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 5 tháng 9 năm 2019.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 597/2019/TLST/HNGĐ ngày 5 tháng 9 năm 2019, giữa:

Người yêu cầu:

- Chị Nguyễn Thị X, sinh ngày 17/4/1981.
- Anh Đỗ Văn T, sinh ngày 12/2/1968.

Đều trú tại: Số 24, tổ dân phố T, phường D, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị X và anh Đỗ Văn T tự nguyện kế hôn năm 2000, đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây cũ (nay là phường D, quận Hà Đông, TP. Hà Nội). Quá trình chung sống vợ chồng không được hòa thuận lắm, đến giữa năm 2018 vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng do bất đồng về tình cảm, chăn gối nên rạn nứt và sống ly thân từ tháng 10/2018 đến nay. Nay vợ chồng xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa nên thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh chị được thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị X và anh Đỗ Văn T đều xác nhận vợ chồng anh chị có 03 con chung là:

- Đỗ Văn T1, sinh ngày 7/01/2001

- Đỗ Văn T2, sinh ngày 22/5/2002

-Đỗ Văn T3, sinh ngày 4/12/2006.

Ly hôn anh T, chị X thống nhất thỏa thuận như sau: Con chung là Đỗ Văn T1, sinh ngày 7/1/2001 đã đủ 18 tuổi nên không đề cập giải quyết;

Anh Đỗ Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung là Đỗ Văn T2, sinh ngày 22/5/2002 và Đỗ Văn T3, sinh ngày 4/12/2006.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh T chưa yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cho đến khi các bên có sự thỏa thuận, thay đổi khác.

Chị X được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Anh T và chị X đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết, phân chia tài sản chung.

4. Về công nợ chung: Anh T và chị X thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Anh T tự nguyện nộp cả 300.000đ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chị X hoàn toàn nhất trí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị X và anh Đỗ Văn T đều đồng ý thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị X và anh Đỗ Văn T đều xác nhận vợ chồng anh chị có 03 con chung là: Đỗ Văn T1, sinh ngày 7/01/2001; Đỗ Văn T2, sinh ngày 22/5/2002 và Đỗ Văn T3, sinh ngày 4/12/2006.

Do con chung là Đỗ Văn T1, sinh ngày 7/1/2001 đã đủ 18 tuổi nên không đề cập giải quyết;

Anh Đỗ Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung là Đỗ Văn T2, sinh ngày 22/5/2002 và Đỗ Văn T3, sinh ngày 4/12/2006.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh T chưa yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cho đến khi các bên có sự thỏa thuận, thay đổi khác.

Chị X được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. **Về lệ phí**: Anh T tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm (đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008150 ngày 5 tháng 9 năm 2019 tại chi cục thi hành án dân sự quận Hà Đông)

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Hà Đông;
- UBND xã, phường nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Đình Văn